

**BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành**

**Kính gửi:** - Cục Quản lý Khám, Chữa bệnh – Bộ Y tế.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Châm cứu Trung ương  
Giấy phép hoạt động số: 0286/BYT – GPHĐ. Cơ quan cấp: Bộ Y Tế ngày 04 tháng 12 năm 2019  
Địa chỉ: 49 Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, TP Hà Nội.  
Chịu trách nhiệm chuyên môn : PGS.TS. Trần Văn Thanh  
Điện thoại liên hệ: 02435627187  
Email: trungtamdaotaochidaotuyenbvcc@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Y khoa, Điều dưỡng, Y sĩ đa khoa.
- Danh sách người hướng dẫn thực hành (kèm theo danh sách)
- Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 310 người.
- Chi phí hướng dẫn thực hành: 1.800.000 VNĐ/người/tháng (Một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn)

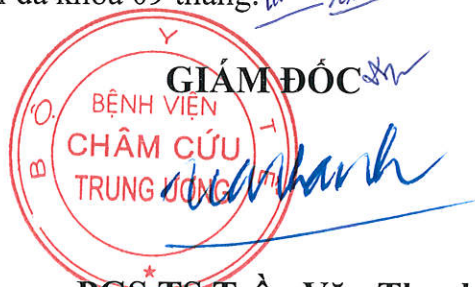
Bệnh viện Châm cứu Trung ương cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo bản công bố:

Chương trình thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Bác sĩ Y khoa 12 tháng, Điều dưỡng 06 tháng, Y sĩ đa khoa 09 tháng.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT; TTĐT&CDT;



**PGS.TS Trần Văn Thanh**

1. 2. 3. 4.



**Chương trình thực hành để cấp giấy phép hành nghề  
khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh Bác sĩ Y khoa, Điều dưỡng, Y sĩ đa khoa.**  
( Kèm theo bản công bố số 634 /BVCCCTW, ngày 23 tháng 9 năm 2024 )

**1. Đối tượng đăng ký**

Bác sĩ Y khoa, Điều dưỡng, Y sĩ đa khoa.

**2. Địa điểm thực hành:**

Học viên đi luân phiên các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Châm cứu Trung ương.

**3. Nội dung chương trình**

**3.1. Chương trình thực hành:**

**3.1.1. Đối tượng Bác sĩ Y khoa:**

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 09 tháng
- Học viên được phân công thực hành luân phiên phù hợp số lượng học viên, giảng viên hướng dẫn tại cùng thời điểm đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Nội dung chương trình ở các khoa lâm sàng tại Bệnh viện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Y tế.
- Học viên tự tìm hiểu hồ sơ, các loại văn bản pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, các kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, quy chế trực, hội chẩn... .
- Danh mục bệnh học: Trong quá trình thực hành bệnh học và các bệnh thường gặp sau:

TT	Các nhóm bệnh thường gặp	Các Khoa thực hành	Thời gian
<b>I</b>	<b>HỒI SỨC CẤP CỨU</b>		
1	Hôn mê	Khoa Hồi sức cấp cứu	03 tháng
2	Sốc phản vệ		
3	Ngộ độc cấp		
4	Suy tim cấp		
5	Cơn đau thắt ngực		
6	Ngừng tim (ngừng tuần hoàn)		
7	Nhồi máu cơ tim cấp		
8	Cơn tăng huyết áp		
9	Cơn hen phế quản nặng		
10	Phù phổi cấp		
11	Suy hô hấp cấp		
12	Xuất huyết tiêu hóa		
13	Rối loạn nước điện giải		
14	Sốt xuất huyết		
<b>II</b>	<b>NỘI KHOA</b>		
15	Viêm mũi xoang	Thời gian, tình hình cụ thể, học viên đi luân phiên tại các khoa: -Khoa Nội -Khoa Lão	03 tháng
16	Viêm họng cấp, mạn		
17	Viêm phế quản		
18	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính		
19	Viêm phổi tắc nghẽn		

*Như*

	20	Hen phế quản	-Khoa Đột quy -PHCN -Trung tâm kỹ thuật cao châm cứu Việt Nam -Phòng khám theo yêu cầu -Khoa Dưỡng sinh -Khoa Hợp tác, phát triển châm cứu quốc tế -Khoa Điều trị quốc tế -Phòng khám chuyên gia	
	21	Thiếu máu cơ tim		
	22	Tăng huyết áp		
	23	Bệnh động mạch chi dưới		
	24	Tai biến mạch máu não		
	25	Hội chứng lỵ		
	26	Hội chứng ruột kích thích		
	27	Viêm gan cấp, mạn		
	28	Viêm dạ dày		
	29	Loét dạ dày - hành tá tràng		
	30	Viêm đại tràng cấp, mạn		
	31	Sỏi mật		
	32	Bệnh đái tháo đường		
	33	Suy tuyến giáp		
	34	Bệnh Basedow		
	35	Sỏi tiết niệu		
	36	Viêm đường tiết niệu		
	37	Viêm cầu thận cấp, mạn		
	38	Suy thận		
	39	Hội chứng thận hư		
	40	Liệt nửa người		
	41	Tai biến mạch máu não		
	42	Rối loạn thân kinh thực vật		
	43	Viêm rễ, dây đám rối thân kinh		
	44	Viêm đa dây thần kinh		
	45	Hội chứng thắt lưng - hông		
	46	Suy nhược thần kinh		
	47	Loãng xương		
	48	Viêm khớp dạng thấp		
	49	Thoái hóa khớp		
	50	Hội chứng cổ - vai - tay		
	51	Gút		
	52	Liệt dây TK VII ngoại biên		
	53	Liệt dây TK số V		
<b>III</b>	<b>NGOẠI KHOA</b>			
	54	Hội chứng lỵ	Khoa Ngoại châm tê	02 tháng
	55	Hội chứng ruột kích thích		
	56	Viêm gan cấp, mạn		
	57	Ung thư gan		
	58	Xơ gan		
	59	Viêm dạ dày		
	60	Loét dạ dày - hành tá tràng		
	61	Viêm đại tràng cấp, mạn		
	62	Sỏi mật		
	63	Trĩ nội		

	64	Trĩ ngoại		
	65	Trĩ hỗn hợp		
	66	Nứt kẽ hậu môn		
	67	Viêm mũi xoang		
	68	Viêm họng cấp, mạn		
	69	Viêm phế quản		
	70	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính		
	71	Viêm phổi tắc nghẽn		
	72	Hen phế quản		
	73	Sỏi tiết niệu		
	74	Viêm đường tiết niệu		
	75	Viêm cầu thận cấp, mạn		
	76	Suy thận		
	77	Hội chứng thận hư		
	78	Bệnh đái tháo đường		
	79	Suy tuyến giáp		
<b>VI</b>	<b>NHI KHOA</b>			
	80	Suy dinh dưỡng	Thời gian, tình hình cụ thể, học viên đi luân phiên tại các khoa: -Khoa Nhi -Khoa Điều trị và chăm sóc trẻ Bại não -Khoa Điều trị và chăm sóc trẻ Tự kỷ -Khoa Điều trị liệt vận động – ngôn ngữ trẻ em	02 tháng
	81	Tự kỷ		
	82	Bại não		
	83	Đái dầm		
	84	Còi xương trẻ em		
	85	Sốt phát ban		
	86	Thủy đậu		
	87	Bệnh chân tay miệng		
	88	Di chứng viêm não		
<b>V</b>	<b>DA LIỄU</b>			
	89	Mề đay	Phòng khám Da liễu	0,5 tháng
	90	Vẩy nến		
	91	Viêm da cơ địa		
	92	Bệnh zona thần kinh		
	93	Suy nhược cơ thể		
	94	Tăng sinh lạnh tính tuyến tiền liệt		
	95	Rối loạn tiền mãn kinh		
<b>VI</b>	<b>SẢN KHOA</b>			
	96	Rối loạn kinh nguyệt	Phòng khám Sản khoa	0,5 tháng
	97	Động thai		
	98	Viêm phần phụ		
	99	U xơ tử cung		
<b>VII</b>	<b>RĂNG HÀM MẶT</b>			
	100	Phổ biến, giáo dục sức khỏe răng miệng cho cộng đồng	Phòng khám Răng hàm mặt	0,5 tháng
	101	Chuẩn đoán, xử trí ban đầu cho các cấp cứu hay gặp trong RHM.		

BỆNH  
:HÀ  
TRUN

*Như*

	102	Chuẩn đoán định hướng hai bệnh phổ biến nhất trong RHM là sâu răng và viêm quanh răng.		
	103	Phát hiện sớm và gửi đi chuyên khoa các bệnh ung thư miệng.		
	104	Chuẩn đoán và xử trí ban đầu các chấn thương RHM và tai biến do nhổ răng.		
<b>VIII</b>	<b>TAI MŨI HỌNG</b>			
	105	Viêm tai giữa	Phòng khám Tai mũi họng	0,5 tháng
	106	Viêm họng		
	107	Viêm xoang		
	108	Viêm amidan		
	109	Vviêm mũi dị ứng		

### 3.1.2. Đối tượng Điều dưỡng:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 04 tháng
- Thực hành tại khoa Dược: 01 tháng
- Học viên được phân công thực hành luân phiên phù hợp số lượng học viên, giảng viên hướng dẫn tại cùng thời điểm đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Nội dung chương trình ở các khoa lâm sàng tại Bệnh viện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Y tế.
- Học viên tự tìm hiểu hồ sơ, các loại văn bản pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, các kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, quy chế trực, hội chẩn...
- Danh mục bệnh học: Trong quá trình thực hành bệnh học và các bệnh thường gặp sau:

TT	Các nhóm bệnh thường gặp		Khoa thực hành	Thời gian
<b>I</b>	<b>HỒI SỨC CẤP CỨU</b>			
	1	Hôn mê	Khoa Hồi sức cấp cứu	01 tháng
	2	Sốc phản vệ		
	3	Ngộ độc cấp		
	4	Suy tim cấp		
	5	Cơn đau thắt ngực		
	6	Ngừng tim (ngừng tuần hoàn)		
	7	Nhồi máu cơ tim cấp		
	8	Cơn tăng huyết áp		
	9	Cơn hen phế quản nặng		
	10	Phù phổi cấp		
	11	Suy hô hấp cấp		
	12	Xuất huyết tiêu hóa		
	13	Rối loạn nước điện giải		
	14	Sốt xuất huyết		

II	NỘI KHOA	
	15	Viêm mũi xoang
	16	Viêm họng cấp, mạn
	17	Viêm phế quản
	18	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
	19	Viêm phổi tắc nghẽn
	20	Hen phế quản
	21	Thiếu máu cơ tim
	22	Tăng huyết áp
	23	Bệnh động mạch chi dưới
	24	Tai biến mạch máu não
	25	Hội chứng ly
	26	Hội chứng ruột kích thích
	27	Viêm gan cấp, mạn
	28	Viêm dạ dày
	29	Loét dạ dày - hành tá tràng
	30	Viêm đại tràng cấp, mạn
	31	Sỏi mật
	32	Bệnh đái tháo đường
	33	Suy tuyến giáp
	34	Bệnh Basedow
	35	Sỏi tiết niệu
	36	Viêm đường tiết niệu
	37	Viêm cầu thận cấp, mạn
	38	Suy thận
	39	Hội chứng thận hư
	40	Liệt nửa người
	41	Rối loạn thần kinh thực vật
	42	Viêm rết, dây dằm rối thần kinh
	43	Viêm đa dây thần kinh
	44	Hội chứng thắt lưng - hông
	45	Viêm quanh khớp vai
	46	Loãng xương
	47	Viêm khớp dạng thấp
	48	Thoái hóa khớp
	49	Hội chứng cổ - vai - tay
	50	Gút
	51	Liệt dây TK VII ngoại biên
	52	Liệt dây TK số V
	53	Hội chứng tiền đình
	54	Đau đầu
	55	Mất ngủ
	56	Đau lưng
	57	Mề đay
	58	Vẩy nến

Thời gian, tình hình cụ thể, học viên đi luân phiên tại các khoa:  
 -Khoa Nội  
 -Khoa Lão  
 -Khoa Đột quỵ -PHCN  
 -Trung tâm kỹ thuật cao chăm cứu Việt Nam  
 -Phòng khám theo yêu cầu  
 -Khoa Dưỡng sinh  
 -Khoa Hợp tác, phát triển chăm cứu quốc tế  
 -Khoa Điều trị quốc tế

02 tháng



*Handwritten signature*

	59	Viêm da cơ địa		
	60	Bệnh zona thần kinh		
	61	Suy nhược cơ thể		
	62	Tăng sinh lạnh tính tuyến tiền liệt		
	63	Rối loạn tiền mãn kinh		
<b>III.</b>	<b>NGOẠI KHOA</b>			
	64	Trĩ nội	Khoa Ngoại châm tê	01 tháng
	65	Trĩ ngoại		
	66	Trĩ hỗn hợp		
	67	Nứt kẽ hậu môn		
<b>IV</b>	<b>NHI KHOA</b>			
	68	Suy dinh dưỡng	Thời gian, tình hình cụ thể, học viên đi luân phiên tại các khoa: -Khoa Nhi -Khoa Điều trị và chăm sóc trẻ Bại não -Khoa Điều trị và chăm sóc trẻ Tự kỷ -Khoa Điều trị liệt vận động – ngôn ngữ trẻ em	01 tháng
	69	Tự kỷ		
	70	Bại não		
	71	Đái dầm		
	72	Còi xương trẻ em		
	73	Sốt phát ban		
	74	Thủy đậu		
	75	Bệnh chân tay miệng		
	76	Di chứng viêm não		

- Dược :

TT	NỘI DUNG	Thời gian
2	Những yêu cầu cần thiết khi dùng thuốc : - Tên thuốc, biệt dược: Tác dụng thuốc, Thời gian bán hủy - Có kiến thức về thuốc, Thời gian tác dụng . Đường đào thải của thuốc, tương tác thuốc , tác dụng phụ của thuốc - Nắm vững quy chế về thuốc - Sắp xếp thuốc theo thứ tự để dễ tìm và tránh nhầm lẫn.	01 tháng
3	Phải kiểm tra thuốc mỗi ngày để bổ sung đủ cơ số hoặc xử lý nếu thuốc quá hạn dùng hoặc hư hỏng.	
4	Bàn giao thuốc mỗi ngày, mỗi ca trực, ghi vào sổ rõ ràng.	
5	Hiểu rõ y lệnh về thuốc, nếu nghi ngờ phải hỏi lại	
	Áp dụng 3 kiểm tra 5 đối chiếu và 6 điều đúng trong suốt quá trình dùng thuốc	



### 3.1.3. Đối tượng Y sĩ đa khoa:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 06 tháng
- Học viên được phân công thực hành luân phiên phù hợp số lượng học viên, giảng viên hướng dẫn tại cùng thời điểm đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Nội dung chương trình ở các khoa lâm sàng tại Bệnh viện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Y tế.
- Học viên tự tìm hiểu hồ sơ, các loại văn bản pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, các kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, quy chế trực, hội chẩn... .
- Danh mục bệnh học: Trong quá trình thực hành bệnh học và các bệnh thường gặp sau:

TT	Các nhóm bệnh thường gặp	Các Khoa thực hành	Thời gian
<b>I</b>	<b>HỒI SỨC CẤP CỨU</b>		
110	Hôn mê	Khoa Hồi sức cấp cứu	03 tháng
111	Sốc phản vệ		
112	Ngộ độc cấp		
113	Suy tim cấp		
114	Cơn đau thắt ngực		
115	Ngừng tim (ngừng tuần hoàn)		
116	Nhồi máu cơ tim cấp		
117	Cơn tăng huyết áp		
118	Cơn hen phế quản nặng		
119	Phù phổi cấp		
120	Suy hô hấp cấp		
121	Xuất huyết tiêu hóa		
122	Rối loạn nước điện giải		
123	Sốt xuất huyết		
<b>II</b>	<b>NỘI KHOA</b>		
124	Viêm mũi xoang	Thời gian, tình hình cụ thể, học viên đi luân phiên tại các khoa: -Khoa Nội -Khoa Lão -Khoa Đột quy -PHCN -Trung tâm kỹ thuật cao châm cứu Việt Nam -Phòng khám theo yêu cầu -Khoa Dưỡng sinh -Khoa Hợp tác, phát triển châm cứu quốc tế -Khoa Điều trị quốc tế -Phòng khám chuyên gia	03 tháng
125	Viêm họng cấp, mạn		
126	Viêm phế quản		
127	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính		
128	Viêm phổi tắc nghẽn		
129	Hen phế quản		
130	Thiếu máu cơ tim		
131	Tăng huyết áp		
132	Bệnh động mạch chi dưới		
133	Tai biến mạch máu não		
134	Hội chứng lỵ		
135	Hội chứng ruột kích thích		
136	Viêm gan cấp, mạn		
137	Viêm dạ dày		
138	Loét dạ dày - hành tá tràng		

*Nhà*

	139	Viêm đại tràng cấp, mạn		
	140	Sỏi mật		
	141	Bệnh đái tháo đường		
	142	Suy tuyến giáp		
	143	Bệnh Basedow		
	144	Sỏi tiết niệu		
	145	Viêm đường tiết niệu		
	146	Viêm cầu thận cấp, mạn		
	147	Suy thận		
	148	Hội chứng thận hư		
	149	Liệt nửa người		
	150	Tai biến mạch máu não		
	151	Rối loạn thân kinh thực vật		
	152	Viêm rễ, dây đám rối thân kinh		
	153	Viêm đa dây thân kinh		
	154	Hội chứng thắt lưng - hông		
	155	Suy nhược thần kinh		
	156	Loãng xương		
	157	Viêm khớp dạng thấp		
	158	Thoái hóa khớp		
	159	Hội chứng cổ - vai - tay		
	160	Gút		
	161	Liệt dây TK VII ngoại biên		
	162	Liệt dây TK số V		
<b>III</b>	<b>NGOẠI KHOA</b>			
	163	Hội chứng ly		
	164	Hội chứng ruột kích thích		
	165	Viêm gan cấp, mạn		
	166	Ung thư gan		
	167	Xơ gan		
	168	Viêm dạ dày		
	169	Loét dạ dày - hành tá tràng		
	170	Viêm đại tràng cấp, mạn		
	171	Sỏi mật		
	172	Trĩ nội		
	173	Trĩ ngoại		
	174	Trĩ hỗn hợp		
	175	Nứt kẽ hậu môn		
	176	Viêm mũi xoang		
	177	Viêm họng cấp, mạn		
	178	Viêm phế quản		
	179	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính		
	180	Viêm phổi tắc nghẽn		
	181	Hen phế quản		
	182	Sỏi tiết niệu		
			Khoa Ngoại chăm tê	1 tháng

	184	Viêm đường tiết niệu		
	185	Viêm cầu thận cấp, mạn		
	186	Suy thận		
	187	Hội chứng thận hư		
	188	Bệnh đái tháo đường		
	189	Suy tuyến giáp		
<b>VI</b>	<b>NHI KHOA</b>			
	190	Suy dinh dưỡng	Thời gian, tình hình cụ thể, học viên đi luân phiên tại các khoa: -Khoa Nhi -Khoa Điều trị và chăm sóc trẻ Bại não -Khoa Điều trị và chăm sóc trẻ Tự kỷ -Khoa Điều trị liệt vận động – ngôn ngữ trẻ em	1,5 tháng
	191	Tự kỷ		
	192	Bại não		
	193	Đái dầm		
	194	Còi xương trẻ em		
	195	Sốt phát ban		
	196	Thủy đậu		
	197	Bệnh chân tay miệng		
	198	Di chứng viêm não		
<b>VII</b>	<b>SẢN KHOA</b>			
	199	Rối loạn kinh nguyệt		0,5 tháng
	200	Động thai		
	201	Viêm phần phụ		
	202	U xơ tử cung		

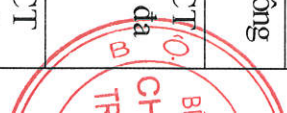
*Như*  
m



**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**  
 (Kèm theo bản công bố số 654 /BVCCTW ngày 28 tháng 9 năm 2024)



TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Chức danh chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hành nghề
1	Phạm Hồng Vân	PGS.TS	Bác sĩ	014213/BYT-CCHN	12/11/2018	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, nội nhi, kết hợp PHCN
2	Nguyễn Duy Luật	TS.BS	Bác sĩ	0014251/BYT-CCHN	31/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp ngoại khoa, châm tê. PHCN
3	Trần Phương Đông	TS.BS	Bác sĩ	014209/BYT-CCHN	30/08/2017	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, phục hồi chức năng, châm tê
4	Nghiêm Hữu Thành	PGS.TS	Bác sĩ	0014203/BYT-CCHN	31/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, châm tê, PHCN
5	Vũ Thường Sơn	PGS.TS	Bác sĩ	0014207/BYT-CCHN	31/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, châm tê, PHCN
6	Nguyễn Khắc Ninh	TS.BS	Bác sĩ	0014247/BYT-CCHN	31/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, hồi sức cấp cứu, PHCN
7	Nguyễn Thị Thu Hà	Bác sĩ	Bác sĩ	0021247/BYT-CCHN	28/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN
8	Nguyễn Như Hoàng Diệu	BSCKI	Bác sĩ	0021236/BYT-CCHN	28/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN
9	Hoàng Thị Hải Yến	BSCKI	Bác sĩ	0021244/BYT-CCHN	28/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN
10	Nguyễn Thị Thanh Hương	BSCKI	Bác sĩ	0021291/BYT-CCHN	12/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN
11	Tạ Thị Thảo	BSCKI	Bác sĩ	0021593/BYT-CCHN	29/07/2015	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN



*ML*

12	Nguyễn Thị Phương Lan	ThS.BS	Bác sĩ	0021591/BYT-CCHN	29/7/2015	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN
13	Đặng Thị Hoàng Tuyên	TS.BS	Bác sĩ	0014211/BYT-CCHN	31/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN
14	Nguyễn Văn Chung	BSCCKI	Bác sĩ	0021355/BYT-CCHN	15/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi, PHCN.
15	Hoàng Quốc Hợp	ThS. BSCCKI	Bác sĩ	0014226/BYT-CCHN	31/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi.
16	Nguyễn Xuân Khánh	BSCCKI	Bác sĩ	0021356/BYT-CCHN	15/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN
17	Vũ Hải Nguyên	BSCCKI	Bác sĩ	0021228/BYT-CCHN	28/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN
18	Đỗ Gia Quý	ThS. BSCCKII	Bác sĩ	0014223/BYT-CCHN	31/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN
19	Nguyễn Duy Nghĩa	Bác sĩ	Bác sĩ	0021267/BYT-CCHN	28/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội thân kinh, PHCN
20	Đinh Thị Bảo Lâm	Ths.BS	Bác sĩ	0021255/BYT-CCHN	28/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội thân kinh. PHCN
21	Nguyễn Xuân Vinh	Bác sĩ	Bác sĩ	0021259/BYT-CCHN	28/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT kết hợp đa khoa hệ nội tổng hợp. PHCN
22	Vũ Thái Bình	ThS.BS	Bác sĩ	0014249/BYT-CCHN	31/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, gây mê hồi sức, chăm tế. PHCN
23	Nguyễn Thị Lan	ThS.BS	Bác sĩ	0021280/BYT-CCHN	12/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, hồi sức cấp cứu, PHCN

24	Nguyễn Thị Hạnh	BSCKI	Bác sĩ	0021287/BYT-CCHN	12/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, Hồi sức cấp cứu, PHCN
25	Nguyễn Bá Phong	ThS. BSCKII	Bác sĩ	0021304/BYT-CCHN	12/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, Hồi sức cấp cứu, PHCN
26	Ngô Thị Thanh Hiền	BSCKI	Bác sĩ	0021229/BYT-CCHN	28/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN
27	Lê Ái Minh	BSCKI	Bác sĩ	0021279/BYT-CCHN	12/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội nhi. PHCN.
28	Nguyễn Thành Long	BSCKI	Bác sĩ	0021252/BYT-CCHN	28/07/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ Nội tổng hợp.
29	Nguyễn Ngọc Cảnh	ThS.BS	Bác sĩ	0014215/BYT-CCHN	31/03/2014	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội, hồi sức cấp cứu, PHCN
30	Hoàng Văn Phong	ThS.BS	Bác sĩ	000751/BYT-CCHN	23/08/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
31	Lương Hồng Quân	Bác sĩ	Bác sĩ	042183/BYT-CCHN	11/02/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
32	Hà Doãn Cây	ThS.BS	Bác sĩ	000835/BYT-CCHN	23/08/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, Răng hàm mắt
33	Phạm Thị Xoan	Bác sĩ	Bác sĩ	038595/BYT-CCHN	27/09/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
34	Dương Xuân Phát	Bác sĩ	Bác sĩ	005592/TB-CCHN	26/04/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
35	Trần Thanh Trà	Bác sĩ	Bác sĩ	027202/HNO-CCHN	21/05/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
36	Nguyễn Hương Ly	Bác sĩ RHM	Bác sĩ	023415/BYT-CCHN	31/5/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mắt
37	Trần Quốc Toàn	BSCKI RHM	Bác sĩ	000692/BYT-CCHN	06/08/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mắt
38	Nghiêm Tùng Mai	Bác sĩ RHM	Bác sĩ	035900/BYT-CCHN	08/11/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mắt

39	Phạm Việt Dũng	BSCKI TMH	Bác sĩ	014275/HNO- CCHN	15/09/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng.
40	Nguyễn Bích Ngọc	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ	041497/BYT- CCHN	05/12/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng.
41	Phạm Thị Giang	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ	0003894/ĐL- CCHN	06/05/2014	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa
42	Tào Thị Minh Thúy	BSCCKII	Bác sĩ	0021254/BYT- CCHN	28/07/2014	Khám chữa bệnh bằng YHCT, Không dùng thuốc YHCT, kết hợp đa khoa hệ nội tổng hợp, PHCN.
43	Trịnh Thu Thủy	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ	041394/BYT- CCHN	15/11/2019	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp
44	Nguyễn Thị Thu Hiền	Dược sĩ	Dược sĩ	06224/HNO- CCHND	09/11/2015	Đủ tiêu chuẩn đăng ký hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc
45	Nguyễn Phương Anh	Ths. DS	Dược sĩ	01693/CCHND -SYT-HNO	09/03/2018	Đủ tiêu chuẩn đăng ký hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc
46	Đặng Thị Phượng	Ths. DS	Dược sĩ	06381/HNO -CCHND	30/11/2015	Đủ tiêu chuẩn đăng ký hành nghề các loại hình kinh doanh thuốc
47	Hoàng Lê Minh	Bác sĩ	Bác sĩ	029030/BYT -CCHN	30/03/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa mắt
48	Thái Hoài Hương	BSCCKI	Bác sĩ	029462/BYT- CCHN	13/05/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa mắt
49	Vũ Thị Yên	BSCCKI	Bác sĩ	000120/BYT -CCHN	04/05/2012	Khám chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa
50	Phạm Thị Minh Huế	BSCCKI RHM	Bác sĩ đa khoa	000103/YB- CCHN	10/08/2012	Khám, chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt
51	Nguyễn Hương Giang	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0021331/BYT- CCHN	12/08/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
52	Bùi Thị Thu Hương	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0021371/BYT- CCHN	15/08/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
53	Nguyễn Thị Khánh Nam	ThS Điều dưỡng	Điều dưỡng	0021367/BYT- CCHN	15/08/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
54	Nguyễn Thị Nga	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0014243/BYT- CCHN	31/03/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.



55	Nguyễn Thị Hương Lan	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0021392/BYT-CCHN	15/08/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
56	Đỗ Thị Thu Hương	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0021354/BYT-CCHN	15/08/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
57	Vũ Xuân Tú	ThS Điều dưỡng	Điều dưỡng	0021382/BYT-CCHN	15/08/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
58	Nguyễn Thị Thanh Nhân	ThS, CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng	0021310/BYT-CCHN	12/08/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
59	Nguyễn Thị Kim Anh	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0021307/BYT-CCHN	12/08/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
60	Nguyễn Thị Thanh Nga	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0021237/BYT-CCHN	28/07/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
61	Nguyễn Tài Trung	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0014238/BYT-CCHN	31/03/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
62	Lý Thị Thu	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0014246/BYT-CCHN	31/03/2014	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.

*Một*

